TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/DS-ST
Ngày: 12-4-2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Đông;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuý.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Mỹ Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2023/TLST- DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* : Bà Mai Thị Lệ Như S, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thành phố Q, B

* *Bị đơn:* - Ông Trần Văn T, sinh năm 1978;

- Bà Ngô Thị T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thành phố Q, tỉnh B

(Tại phiên toà, bà S, ông T, bà T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà Nguyên đơn bà Mai Thị Lệ Như S trình bày:*

Ngày 20/11/2014 bà Mai Thị Lệ Như S cho vợ chồng ông Trần Văn T và bà Ngô Thị T mượn số tiền 66.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu đồng chẵn), có viết giấy vay tiền, hai bên thoả thuận với nhau đến tháng 06/2017 sẽ trả hết số tiền trên và trả lãi hàng tháng.

Ngày 20/11/2014 đến tháng 04/2015 vợ chồng ông T, bà T có trả lãi cho bà S được vài tháng sau đó không trả nữa. Bà S hỏi tiền lãi thì vợ chồng ông T bà T xin tiền lãi do làm ăn bể nợ, còn tiền gốc hứa trả đúng hẹn như đã thoả

thuận (tháng 06/2017 trả hết nợ gốc), bà S đồng ý.

Đến tháng 06/2017 vợ chồng ông T, bà T đã trả cho bà S 10.500.000 đồng (bằng chữ: Mười triệu, năm trăm nghìn đồng), còn lại số tiền chưa trả là 55.500.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng) hứa sang năm 2018 sẽ trả cho bà S. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng ông T, bà T vẫn chưa trả cho bà S 55.500.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

Nay, bà S yêu cầu toà án buộc vợ chồng ông T, bà T trả dứt điểm một lần cho bà số tiền nợ gốc là 55.500.000 đồng *(bằng chữ: Năm mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng),* không yêu cầu tính lãi.

****** *Bị đơn bà Ngô Thị T và ông Trần Văn T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà trình bày:*

Vợ chồng ông T, bà T có vay bà S số tiền 66.000.000 đồng *(bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu đồng chẵn)* vào ngày 20/11/2014 có viết giấy vay tiền thoả thuận đến tháng 6/2017 sẽ trả hết nợ gốc. Từ khi vay tiền vợ chồng ông T, bà T có trả lãi hàng tháng cho bà S mỗi tháng 1.980.000 đồng *(bằng chữ: Một triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng)* trong khoảng 3 năm hơn. Vợ chồng ông T, bà T đã trả cho bà S số tiền là 10.500.000 đồng còn 55.500.000 đồng vợ chồng ông T, bà T còn nợ chị S do làm ăn thua lỗ. Ông T, bà T có hứa trả và xin bà S trả dần hàng tháng bắt đầu từ tháng 8/2019 nhưng bà S không đồng ý.

Nay bà S yêu cầu vợ chồng ông T, bà T trả số tiền nợ gốc là 55.500.000 đồng *(bằng chữ: Năm mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng*), vợ chồng ông T, bà T đồng ý trả và xin trả dần số nợ gốc là 55.500.000 đồng trong vòng ba năm cho đến khi trả hết nợ.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mai Nương, buộc bà Đào Thị Ánh Hằng và ông Phạm Minh Định phải trả cho bà Nương số tiền 260.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi trên số nợ 260.000.000 đồng nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, vụ án có quan hệ là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", bị đơn cư trú tại Thôn Hải Đông, xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý vụ án, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Mai Thị Lệ Như S yêu cầu bà Ngô Thị T, ông Trần Văn T có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm một lần cho bà số tiền 55.500.000 đồng *(bằng chữ: Năm mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng),* không yêu cầu tính lãi.

HĐXX nhận định:

Theo lời khai của bà S ngày 20/11/2014 bà Mai Thị Lệ Như S cho vợ chồng ông Trần Văn T và bà Ngô Thị T mượn số tiền 66.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu đồng chẵn), có viết giấy vay tiền, hai bên thoả thuận với nhau đến tháng 06/2017 sẽ trả hết số tiền trên và trả lãi hàng tháng. Từ ngày 20/11/2014 đến tháng 04/2015 vợ chồng ông T, bà T có trả lãi cho bà S được vài tháng sau đó không trả nữa. Bà S hỏi tiền lãi thì vợ chồng ông T bà T xin tiền lãi do làm ăn bể nợ, còn tiền gốc hứa trả đúng hẹn như đã thoả thuận (tháng 06/2017 trả hết nợ gốc), bà S đồng ý.

Đến tháng 06/2017 vợ chồng ông T, bà T đã trả cho bà S 10.500.000 đồng (bằng chữ: Mười triệu, năm trăm nghìn đồng), còn lại số tiền chưa trả là 55.500.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng) hứa sang năm 2018 sẽ trả cho bà S. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng ông T, bà T vẫn chưa trả cho bà S 55.500.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

Việc thống nhất nợ giữa bà Nương và bà Hằng được thể hiện bằng hình Tc viết tay đã xác nhận và thống nhất về số nợ trên. Tại phiên Tòa các bên không thống nhất được thời gian và phương Tc thanh toán. Bà S yêu cầu vợ chồng bà T, ông T trả dứt điểm một lần cho bà số tiền 55.500.000 đồng, còn vợ chồng bà T, ông T vì kinh tế khó khăn xin trả dần trong vòng 3 năm cho đến khi trả hết nợ. Việc xin kéo dài thời hạn trả nợ của bà T, ông T không được bà S chấp nhận. Do đó HĐXX căn cứ vào các 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S. Buộc bà T, ông T có nghĩa vụ trả dứt điểm một lần cho bà S số tiền 55.500.000 đồng là có căn cứ. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi trên số nợ 55.500.000 đồng nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí DSST: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016, bà Ngô Thị T và ông Trần Văn T phải chịu án phí DSST là 2.775.000 đồng.

[4] Tại phiên Tòa ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của BLDS năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Lệ Như S.

2. Buộc bà Ngô Thị T, ông Trần Văn T có nghĩa vụ trả dứt điểm một lần cho bà Mai Thị Lệ Như S số tiền 55.500.000 đồng.

3. Bác lời nại của bà T, ông T xin trả dần số tiền trên.

4. Về án phí:

- Bà Ngô Thị T, ông Trần Văn T phải chịu 2.775.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

- Bà Mai Thị Lệ Như S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Mai Thị Lệ Như S số tiền 1.387.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000093 ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- CQ THA DS Tp. Quy Nhơn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tài